TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-ST
Ngày: 21-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh - Cán bộ hưu trí thị trấn K, huyện K;

2. Ông Đặng Văn Đại - Hiệu trưởng trường THPT Kon Hà Nừng huyện K.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn K, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1990, tại K, Gia Lai; nơi thường trú: Tổ dân phố b, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Con ông Nguyễn Ngọc B và bà Đoàn Thị N; gia đình bị cáo có 04 anh, chị em, bị cáo là con út trong gia đình; bị cáo vợ là Nguyễn Thị N (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2012.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 13/5/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Hải N, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ dân phố M, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Anh Trần S, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 19/7/2018, Nguyễn Duy Đ đến nhà trọ của Hoàng Hồng V

(sinh năm 1987, tại Tổ dân phố M, thị trấn K) tìm V để giải quyết mâu thuẫn cá nhân về việc tặng cho gỗ đục tượng nhưng V không gặp V. Đ đã đập phá đồ đạc tại nhà trọ của V rồi đi về nhà Trần S (sinh năm 1991, trú tại Tổ dân phố S, thị trấn K). Sau đó, V đã gọi điện thoại cho Nguyễn Hải N là em họ của V nhờ N can thiệp, giải quyết giúp mâu thuẫn giữa V và Đ, vì N có quen biết với Đ, N đồng ý. N mang theo một cây kiếm tự chế dài khoảng 60cm đi đến nhà V nhưng không gặp Đ. N gọi điện thoại cho Đ hỏi nội dung: Tại sao Đ đến nhà V quậy phá và hỏi Đ đang ở đâu, Đ nói đang ở nhà S. N mang kiếm đến đứng ở giữa đường Lê Văn T, trước cửa nhà Trần S và gọi điện thoại cho Đ (lúc này Đ đang ngồi chơi, nói chuyện với S ở trong nhà). N và Đ đã cãi cọ, chửi bới, thách thức đánh nhau qua điện thoại. Do bực tức, Đ đã đi ra phòng khách, lấy 01 thanh kiếm treo trên tường nhà S, loại kiếm tự chế dài khoảng 1,2m, lưỡi bằng thép mài sắc hai cạnh dài khoảng 90cm, mũi nhọn, bản rộng khoảng 2-3cm, cán bằng gỗ dài khoảng 30cm (kiếm của Đ tặng cho S) để đi ra đánh nhau với N. Ban đầu, N và Đ nhặt đá ở đường cầm ném nhau nhưng không trúng. Sau đó, Đ và N cùng cầm kiếm xông vào đánh nhau. Đ cầm kiếm ở tay trái chém N, N dùng kiếm đỡ lại. Do kiếm của N ngắn hơn nên N vừa đỡ kiếm vừa lùi về sau theo trục đường Lê Văn T hướng về đường Lê L, Đ dùng kiếm tấn công N, vừa chém Đ vừa tiến tới. N lùi về sau khoảng 20 mét thì bị rơi thanh kiếm đang cầm trên tay. Đ tiếp tục tiến tới chém N, N vừa lùi vừa dùng vỏ kiếm để đỡ. Khi đến trước nhà bà Đinh Thị Kim S, Đ tiếp tục dùng kiếm chém liên tiếp về phía N, N vừa đỡ vừa dùng vỏ kiếm tấn công lại Đ. Đ vung kiếm chém, vừa lúc đó N xông lên mũi kiếm của Đ đâm trúng bụng N. N dùng hai tay ôm vết thương ở bụng cùng mũi kiếm của Đ, Đ rút kiếm ra làm N bị thương ở tay phải. Đ cầm kiếm quay về hướng nhà S. Trên đường đi, Đ nhặt lấy thanh kiếm N đã làm rơi trước đó, cầm cùng với thanh kiếm của Đ. Sau đó Đ điều khiển xe máy đi về nhà tại tổ dân phố B, thị trấn K. Trên đường đi, Đ đã vứt 02 thanh kiếm trên xuống sông Ba khi đi qua cầu treo. N được mọi người đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện K và chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Đ điều trị.

Ngày 17/8/2018, Nguyễn Hải N có đơn trình báo đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K xử lý vụ việc trên và cung cấp các giấy tờ có liên quan trong việc điều trị thương tích do Đ gây ra. Nhận được tin báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành triệu tập lấy lời khai, kiểm tra xem xét hiện trường và truy tìm vật chứng.

Ngày 14/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 03/QĐTCGĐ ngày 14/01/2019 về tổn hại thương tích đối với Nguyễn Hải N do bị Nguyễn Duy Đ đâm. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 20/2019/TgT ngày 28/02/2019 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Gia Lai kết luận:

- Ba sẹo vết thương phần mềm: Một vết hình chữ U mặt lòng đốt 1 ngón I bàn tay phải kích thước (2,5x0,2)cm, sẹo liền; Một vết thương mặt mu đốt 1 ngón I bàn tay phải kích thước (3x0,1)cm và một vết vùng góc hố chậu bên trái kích thước (1x0,5)cm: 2%.

- Đứt gân duỗi ngón I bàn tay phải đã khâu nối ảnh hưởng ít đến động tác duỗi ngón tay: 2%.

- Thủng đại tràng xuống đã xử trí: 41%.

- Thủng đại tràng xuống làm hậu môn tạm biến chứng dính ruột, mổ gỡ dính ruột lần thứ nhất: 23%.

- Gãy cũ đầu gốc đốt gần ngón I bàn tay phải: 3%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 58% (áp dụng phương pháp cộng lùi theo Thông tư 20/2014/TT-BYT).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Duy Đ đã bồi thường tiền chữa trị vết thương cho bị hại Nguyễn Hải N số tiền 25.000.000 đồng. Bị hại trình bày là đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nữa và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Sau khi dùng kiếm (loại kiếm tự chế dài khoảng 1,2m, lưỡi bằng thép mài sắc hai cạnh dài khoảng 90cm, mũi nhọn, bản rộng khoảng 2-3cm, cán bằng gỗ dài khoảng 30cm) đâm Nam, Đ đã cầm cả hai thanh kiếm (của Đ và Nđã sử dụng khi chém nhau) vứt xuống sông Ba khi Đ đi qua cầu treo. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện K đã phối hợp cùng chính quyền địa phương tiến hành truy tìm nhưng không tìm được.

Lời khai của bị cáo, bị hại, những người làm chứng bà Nguyễn Thị T và anh Trần S trong hồ sơ vụ án đều thể hiện được đặc điểm của thanh kiếm mà bị cáo Nguyễn Duy Đ dùng để đâm Nguyễn Hải N (là loại kiếm tự chế dài khoảng 1,2m, lưỡi bằng thép mài sắc hai cạnh dài khoảng 90cm, mũi nhọn, bản rộng khoảng 2-3cm, cán bằng gỗ dài khoảng 30cm) chính là hung khí gây án.

Tại Bản cáo trạng số: 37/CTr-VKS ngày 21/10/2019, VKSND huyện K đã truy tố Nguyễn Duy Đ về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Duy Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Đ phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt Nguyễn Duy Đ từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập đến.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành truy tìm nhưng không phát hiện được nên không đề cập đến.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy Đ phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo trình bày là đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm quay về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận:

Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân trong việc Đ có hành vi đến quậy phá nhà của anh Hoàng Hồng V (là anh họ của Nam) nên vào chiều ngày 19/7/2018, Nguyễn Duy Đ đã dùng kiếm tự chế là hung khí nguy hiểm đâm trúng bụng và làm N bị thương ở tay phải do rút kiếm ra, gây thương tích cho N với tỷ lệ mức độ tổn hại sức khỏe là **58%.**

[3] Về tình tiết tăng nặng định khung áp dụng đối với bị cáo:

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể mà bị cáo gây ra đối với anh N là **58%** và bị cáo đã sử dụng kiếm là hung khí nguy hiểm để đâm N gây thương tích, nên đây là tình tiết tăng nặng định khung được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Duy Đ về tội danh và hình phạt theo điều luật trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[4] Xét tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra cho bị hại với số tiền 25.000.000 đồng, sau khi nhận tiền bị hại không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bên cạnh đó trong vụ án này, bị hại cũng có một phần lỗi *(N mặc dù không liên quan đến mâu thuẫn giữa Đ và V nhưng lại là người chủ động cầm kiếm đi tìm Đ để thách thức đánh nhau)*. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo.

[5] Hành vi của bị cáo là hành vi gây nguy hiểm lớn cho xã hội, hành vi đó không những xâm phạm đến sức khoẻ của người khác một cách trái pháp luật, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.

Xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly bị cáo Nguyễn Duy Đ ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội là điều cần thiết.

[6] Liên quan trong vụ án còn có anh Hoàng Hồng V, là người có mâu thuẫn với Đ và đã gọi N lên để giải quyết giúp mình; anh V có một số tài sản bị hư hỏng do hành vi quậy phá của Đ nhưng anh V không yêu cầu giải quyết. Qua xác minh thì biết được anh V đã đi khỏi địa phương và cũng không chứng kiến sự việc cố ý gây thương tích trên xảy ra nên Hội đồng xét xử không đưa anh V là người làm chứng trong vụ án.

Đối với anh Trần S là chủ sở hữu của thanh kiếm mà Đ sử dụng để đâm Nguyễn Hải N, đây là thanh kiếm của Đ tặng cho anh S treo trên tường nhà làm vật trang trí không có giá trị gì nên anh S không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử đưa anh S vào tham gia tố tụng trong vụ án với vai trò là người làm chứng.

[7] Xét quan điểm đường lối giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật, hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là phù hợp nên được Hội dồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường tiền chi phí chữa trị cho bị hại với số tiền là 25.000.000 đồng *(hai mươi lăm triệu đồng)*. Bị hại đã nhận đủ và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Xét thấy về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, sự thỏa thuận không trái pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự. Do bị hại không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 thanh kiếm dài khoảng 60cm và 01 thanh kiếm loại kiếm tự chế dài khoảng 1,2m, lưỡi bằng thép mài sắc hai cạnh dài khoảng 90cm, mũi nhọn, bản rộng khoảng 2-3cm, cán bằng gỗ dài khoảng 30cm, đều đã bị Đ ném xuống sông Ba. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tổ chức truy tìm tại khu vực sông Ba dưới cầu treo và mở rộng xung quanh nhưng không phát

hiện được. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Đ phạm tội*: "Cố ý gây thương tích"*.

[2] Về điều luật: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Đ **05** (*năm*) năm **06** (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam *(ngày 13/5/2019).*

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Duy Đ phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 21/11/2019*), bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Chi cục THADS huyện K;

(Khi án có HLPL).
- Lưu HSVA,VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Ngọc